

Số: 33 /HDLS-SGD&ĐT-STC

Bến Tre, ngày 10 tháng 5 năm 2012

HƯỚNG DẪN LIÊN SỞ

Về việc thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015, trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015; Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2010-2015, trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

1/. Giải thích thêm về phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính có quy định tại Điểm c Khoản 2 Phần IV Điều 1 Quyết định 239 như sau: Hỗ trợ trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của nhà nước 120 nghìn đồng/tháng/cháu (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn trưa tại trường; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học tại các trường mầm non tự thực được nhà nước hỗ trợ một phần học phí, nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường.

2/. Đối tượng được chi hỗ trợ ăn trưa

a). Trẻ em trong độ tuổi năm tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo văn bản quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể: Theo Thông tư hướng dẫn tại khoản a (xã biên giới) và tại khoản c (xã hải đảo, xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn) theo Nghị định số 161/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới biển và quyết định số 106/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và hải đảo ở địa bàn tỉnh Bến Tre bao gồm các xã:

SỐ TT	TÊN XÃ	HUYỆN
01	Bình Thắng	Bình Đại
02	Thừa Đức	Bình Đại
03	Thời Thuận	Bình Đại
04	Bảo Thạnh	Ba Tri
05	Bảo Thuận	Ba Tri
06	Tân Thủy	Ba Tri
07	An Thủy	Ba Tri
08	Thạnh Hải	Thạnh Phú
09	Thạnh Phong	Thạnh Phú
10	An Quy	Thạnh phú
11	An Thuận	Thạnh Phú
12	An Nhơn	Thạnh Phú

b). Trẻ em trong độ tuổi năm tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế. Cụ thể:

- Trẻ em trong độ tuổi năm tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

- Trẻ em trong độ tuổi năm tuổi học tại các cơ sở giáo dục mầm non bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế. Việc xác định người tàn tật, khuyết tật theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP ngày 23 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lao động về lao động người tàn tật và việc xác định có khó khăn về kinh tế áp dụng theo Thông tư số 27/2007/TT-

BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

+ Người tàn tật bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng khác nhau, bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, được Hội đồng giám định y khoa hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận theo qui định của Bộ Y tế.

+ Người tàn tật có khó khăn về kinh tế:

Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

c). Trẻ em trong độ tuổi năm tuổi học tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định hiện hành của nhà nước, không thuộc các xã quy định tại Khoản 1 Điều này. Chuẩn nghèo được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ (Hiện nay thực hiện theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015).

3/. Mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

a). Mức hỗ trợ là 120.000đồng/tháng/cháu, được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

b). Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi học tại các cơ sở giáo dục mầm non theo qui định của Thông tư số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo hằng năm của địa phương.

4/. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ chế độ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi để duy trì buổi ăn trưa tại trường năm học 2011-2012

a/. Các cơ sở giáo dục mầm non lập dự toán năm học 2011 – 2012 chia ra 02 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2011: các đối tượng, mức hỗ trợ tiền ăn như Thông tư qui định.

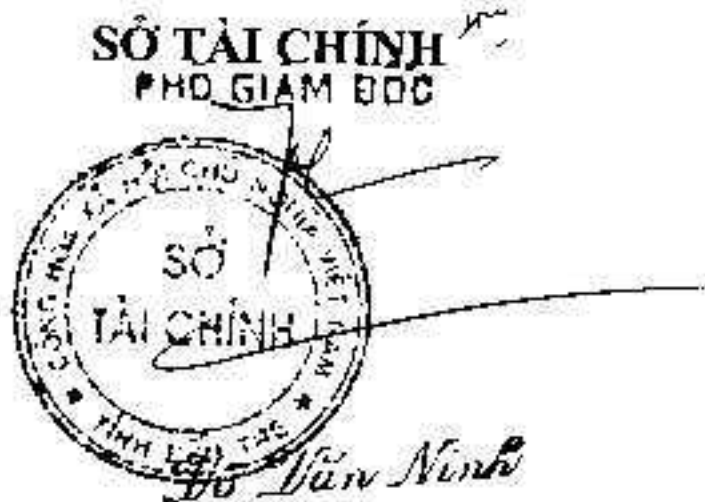
Giai đoạn 2: Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2012: các đối tượng, mức hỗ trợ tiền ăn như Thông tư qui định.

b/. Thời gian: các phòng giáo dục và đào tạo tổng hợp các đơn vị trực thuộc trên địa bàn, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng KH-TC) trước ngày 15 tháng 5 năm 2012.

5/. Các nội dung khác

Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với Sở Tài chính xem xét, giải quyết. /



Lâm Kiến Thiết

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ngành tỉnh (phối hợp thực hiện);
- UBND huyện, thành phố (để thực hiện);
- Phòng GD&ĐT huyện, thành phố (để thực hiện);
- Các cơ sở giáo dục mầm non (để thực hiện);
- Lưu: VT các Sở, KHTC.